

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CTUT, KHÓA 11 NĂM 2022

Ngày kiểm tra: 17 tháng 7 năm 2022

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)*

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	T11001	Lâm Vĩnh An	27/11/2000	Cần Thơ	195	185	380	Không đạt	
2	T11002	Trần Phú An	20/04/2000	An Giang	200	265	465	Không đạt	
3	T11003	Lê Thị Kim Anh	07/08/1997	Kiên Giang	230	250	480	Đạt	
4	T11004	Lê Vũ Hoàng Anh	28/10/2001	An Giang	235	225	460	Đạt	
5	T11005	Nguyễn Ngọc Lan Anh	19/10/2000	Cần Thơ	335	295	630	Đạt	
6	T11006	Huỳnh Gia Bảo	22/03/2000	Cà Mau	235	280	515	Đạt	
7	T11007	Nguyễn Văn Hữu Bằng	22/04/2001	An Giang	260	335	595	Đạt	
8	T11008	Đỗ Thanh Bình	30/03/1999	Cần Thơ	200	270	470	Không đạt	
9	T11009	Hồ Ngọc Dung	27/09/2001	Hậu Giang	250	120	370	Không đạt	
10	T11010	Lê Thị Hồng Dung	16/08/2000	Cần Thơ	400	370	770	Đạt	
11	T11011	Hồ Tường Duy	28/12/2000	Cà Mau	265	285	550	Đạt	
12	T11012	Nguyễn Hoài Duy	05/04/1998	Cà Mau	190	165	355	Không đạt	
13	T11013	Tạ Minh Duy	16/05/2000	Sóc Trăng	180	240	420	Không đạt	
14	T11014	Huỳnh Tuấn Đạt	30/04/1998	Đồng Tháp	180	230	410	Không đạt	
15	T11015	Trần Nguyễn Tấn Đạt	13/05/1998	Đồng Tháp	150	140	290	Không đạt	
16	T11017	Võ Thành Hải Đăng	08/10/2000	Cần Thơ	190	175	365	Không đạt	
17	T11018	Huỳnh Đệ	17/03/1996	Cà Mau	Vắng	Vắng	Vắng	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
18	T11019	Dương Thành	Đĩnh	10/05/2000	Cần Thơ	405	475	880	Đạt	
19	T11020	Trần Thị Hồng	Gấm	30/10/2000	Sóc Trăng	275	355	630	Đạt	
20	T11021	Phan Song	Hạ	01/05/2000	Sóc Trăng	190	310	500	Không đạt	
21	T11022	Ngô Thị Thúy	Hằng	06/06/2001	Hậu Giang	215	195	410	Không đạt	
22	T11023	Nguyễn Thiên	Hân	26/02/2001	Trà Vinh	210	355	565	Không đạt	
23	T11024	Phan Việt	Hân	03/04/1999	Sóc Trăng	130	210	340	Không đạt	
24	T11025	Nguyễn Phúc	Hậu	09/10/2000	Sóc Trăng	135	150	285	Không đạt	
25	T11026	Võ Huỳnh Phúc	Hậu	17/04/1999	Sóc Trăng	290	295	585	Đạt	
26	T11027	Nguyễn Văn	Hiếu	02/08/1997	Kiên Giang	265	315	580	Đạt	
27	T11028	Từ Trọng	Hiếu	26/08/2001	Cần Thơ	270	350	620	Đạt	
28	T11029	Bùi Thanh	Hùng	16/12/2000	Vĩnh Long	370	350	720	Đạt	
29	T11030	Lê Thanh	Hùng	05/03/2000	Cần Thơ	405	365	770	Đạt	
30	T11031	Nguyễn Minh Hoàng	Huy	23/07/2001	Cần Thơ	160	155	315	Không đạt	
31	T11032	Nguyễn Phước	Huy	28/01/2002	Vĩnh Long	130	220	350	Không đạt	
32	T11033	Trịnh Quốc	Huy	20/05/2000	Vĩnh Long	200	230	430	Không đạt	
33	T11034	Trần Thế	Hưng	08/01/2000	Cần Thơ	165	195	360	Không đạt	
34	T11035	Trần Thị Mai	Hương	23/02/2000	Cần Thơ	155	0	155	Không đạt	
35	T11036	Nguyễn Thế	Kỷ	11/01/2001	Bạc Liêu	205	275	480	Không đạt	
36	T11037	Lê Huỳnh Dĩ	Kha	02/02/2001	Vĩnh Long	255	270	525	Đạt	
37	T11038	Trần	Khang	13/12/1999	Hậu Giang	230	255	485	Đạt	
38	T11039	Trần Duy	Khang	24/06/2000	Kiên Giang	230	315	545	Đạt	
39	T11040	Trần Lê Quốc	Khánh	02/09/1997	Cần Thơ	185	280	465	Không đạt	
40	T11041	Bùi Nguyễn Gia	Khiêm	07/11/1999	Cần Thơ	180	170	350	Không đạt	
41	T11042	Tiêu Đoàn Anh	Khoa	19/05/1997	Đồng Tháp	195	115	310	Không đạt	
42	T11043	Trần Anh	Khoa	29/10/2000	Sóc Trăng	140	275	415	Không đạt	
43	T11044	Ngô Trán	Lên	27/09/2001	Kiên Giang	155	95	250	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
44	T11045	Phạm Thị Khánh	Linh	26/09/1999	Cần Thơ	160	145	305	Không đạt	
45	T11046	Trần Nhật	Linh	10/08/2001	Hậu Giang	155	155	310	Không đạt	
46	T11047	Dương Chí	Linh	29/04/2000	Kiên Giang	160	225	385	Không đạt	
47	T11048	Võ Triệu	Long	10/10/1997	Sóc Trăng	165	140	305	Không đạt	
48	T11049	Trương Minh	Luận	05/02/1999	Sóc Trăng	145	130	275	Không đạt	
49	T11050	Ngô Đăng	Lượng	15/02/1997	Cà Mau	145	145	290	Không đạt	
50	T11051	Nguyễn Thành Thiên	Lý	04/06/1997	An Giang	300	135	435	Không đạt	
51	T11052	Nguyễn Lê Bảo	Minh	03/11/2002	Cần Thơ	125	175	300	Không đạt	
52	T11053	Đỗ Đại Phương	Nam	30/06/2001	Kiên Giang	235	255	490	Đạt	
53	T11054	Trần Văn	Nam	15/05/2000	An Giang	160	220	380	Không đạt	
54	T11055	Phạm Thị Bạch	Nga	19/11/2001	Sóc Trăng	170	225	395	Không đạt	
55	T11056	Lê Nguyễn Thanh	Ngân	01/07/2001	Cần Thơ	215	240	455	Không đạt	
56	T11057	Nguyễn Thị Tuyết	Nghi	05/08/2000	Cà Mau	145	330	475	Không đạt	
57	T11058	Dương Kiều	Nghĩa	16/12/1999	Cà Mau	225	285	510	Đạt	
58	T11059	Võ Trọng	Nghĩa	26/06/1999	Sóc Trăng	360	265	625	Đạt	
59	T11060	Bùi Đức	Nhã	30/11/1999	Hậu Giang	360	215	575	Không đạt	
60	T11061	Dương Thành	Nhân	06/08/1998	An Giang	410	425	835	Đạt	
61	T11062	Nguyễn Hoàng	Nhân	28/08/1999	Cần Thơ	450	450	900	Đạt	
62	T11063	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	16/09/2003	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	Không đạt	Chuyển khóa thi đợt sau
63	T11064	Phạm Thành	Nhân	29/07/1996	An Giang	210	220	430	Không đạt	
64	T11065	Hồ Thị Thúy	Nhi	20/04/2000	Đồng Tháp	250	375	625	Đạt	
65	T11066	Nguyễn Kiều Ái	Nhi	08/10/2000	Cần Thơ	295	460	755	Đạt	
66	T11067	Đặng Hoàng	Nhu	20/08/1997	Bạc Liêu	190	440	630	Không đạt	
67	T11068	Lê Võ Huỳnh	Như	03/11/2000	Đồng Tháp	260	335	595	Đạt	
68	T11069	Nguyễn Thị Bích	Như	22/11/2001	Kiên Giang	265	385	650	Đạt	
69	T11070	Nguyễn Tiến	Nhật	05/01/1995	Cần Thơ	Vắng	Vắng	Vắng	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
70	T11071	Lê Hồng	Phan	17/01/1999	Sóc Trăng	310	270	580	Đạt	
71	T11072	Lê Trần Tiến	Phát	03/11/1997	An Giang	0	0	0	Không đạt	Đình chỉ thi
72	T11073	Tăng Công	Phú	11/01/1999	Hậu Giang	235	310	545	Đạt	
73	T11074	Dương Hoàng	Phúc	12/01/2002	Cần Thơ	195	390	585	Không đạt	
74	T11075	Đào Trọng	Phúc	14/03/1999	Cần Thơ	0	400	400	Không đạt	Vắng thi phần Nghe
75	T11076	Đặng Trọng	Phúc	26/09/1999	Cần Thơ	215	380	595	Không đạt	
76	T11077	Võ Minh	Phước	20/01/1999	Bạc Liêu	130	250	380	Không đạt	
77	T11078	Nguyễn	Phước	14/01/1996	Cần Thơ	220	250	470	Không đạt	
78	T11079	Ngô Văn	Phương	20/08/1999	Trà Vinh	300	305	605	Đạt	
79	T11080	Đặng Việt	Quang	10/03/2001	Cà Mau	260	295	555	Đạt	
80	T11081	Võ Phước	Quang	30/07/2000	Cần Thơ	150	410	560	Không đạt	
81	T11082	Võ Thiên	Quang	25/11/1999	Cần Thơ	130	415	545	Không đạt	
82	T11083	Nguyễn Quốc	Quân	30/10/1995	Bến Tre	380	445	825	Đạt	
83	T11084	Trần Hồng	Quy	27/01/2002	Bạc Liêu	395	420	815	Đạt	
84	T11085	Nguyễn Diệp Trúc	Quỳnh	19/12/2000	Cần Thơ	420	415	835	Đạt	
85	T11086	Nguyễn Hữu	Tài	15/03/1997	Đồng Tháp	410	365	775	Đạt	
86	T11087	Đặng Chí	Tâm	02/11/1999	Hậu Giang	310	380	690	Đạt	
87	T11088	Phạm Duy	Tân	30/10/1999	Bến Tre	180	165	345	Không đạt	
88	T11089	Hồ Trung	Tín	26/01/2001	Trà Vinh	175	275	450	Không đạt	
89	T11090	Nguyễn Lê Quốc	Tính	08/05/1997	Cần Thơ	160	250	410	Không đạt	
90	T11091	Phạm Thanh	Tịnh	22/12/2000	An Giang	215	285	500	Không đạt	
91	T11092	Lê Bảo	Toàn	27/11/2000	Cần Thơ	265	340	605	Đạt	
92	T11093	Nguyễn Đức	Toàn	09/04/2000	Cần Thơ	265	345	610	Đạt	
93	T11094	Trần Quốc	Toản	01/01/2001	Cà Mau	370	430	800	Đạt	
94	T11095	Nguyễn Hoàng	Tuấn	18/03/1998	Cần Thơ	385	425	810	Đạt	
95	T11096	Lê Ngọc	Tuyền	09/09/2000	Vũng Tàu	385	405	790	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
96	T11097	Phan Huy	Tường	17/09/1999	Hậu Giang	195	285	480	Không đạt	
97	T11098	Đặng Quốc	Thái	04/11/1997	Tiền Giang	190	395	585	Không đạt	
98	T11099	Phạm Chí	Thanh	16/11/2000	An Giang	210	420	630	Không đạt	
99	T11100	Hà Xuân	Thành	19/06/2000	Cần Thơ	360	430	790	Đạt	
100	T11101	Võ Phước	Thạnh	08/05/2000	Cần Thơ	310	410	720	Đạt	
101	T11102	Lê Hữu	Thắng	17/01/1998	Cần Thơ	315	435	750	Đạt	
102	T11103	Liêu Sa	Thi	20/10/1998	Cần Thơ	280	410	690	Đạt	
103	T11104	Nguyễn Chí	Thọ	02/11/2000	Cần Thơ	320	310	630	Đạt	
104	T11105	Điều Anh	Thy	24/11/1997	Vĩnh Long	320	380	700	Đạt	
105	T11106	Phạm Đăng Thu	Trang	17/06/2000	Tiền Giang	275	370	645	Đạt	
106	T11107	Sử Nguyễn Minh	Triết	01/01/2000	Kiên Giang	280	370	650	Đạt	
107	T11108	Trần Đức	Trọng	14/01/1998	Sóc Trăng	345	345	690	Đạt	
108	T11109	Nguyễn Nhựt	Trường	13/06/1999	An Giang	250	300	550	Đạt	
109	T11110	Trương Văn	Vàng	14/11/1999	An Giang	220	400	620	Không đạt	
110	T11111	Lưu Thái	Văn	02/02/2000	Cần Thơ	170	385	555	Không đạt	
111	T11112	Phan Hồ Trúc	Văn	01/01/2000	Đồng Tháp	130	365	495	Không đạt	
112	T11113	Hà Trần Phước	Vinh	23/12/2000	Kiên Giang	235	220	455	Không đạt	
113	T11114	Nguyễn Ngọc	Vinh	06/12/2000	Cần Thơ	300	270	570	Đạt	
114	T11115	Trương Tiến	Vũ	31/01/2000	Sóc Trăng	320	235	555	Đạt	
115	T11116	Phan Tường	Vy	11/08/2001	Cần Thơ	Vắng	Vắng	Vắng	Không đạt	Chuyển khóa thi đợt sau
116	T11117	Trần Thị Lan	Vy	24/06/2001	Cần Thơ	255	215	470	Không đạt	
117	T11118	Quách Vĩnh	Xuân	05/04/1999	Sóc Trăng	205	330	535	Không đạt	
118	T11119	Phạm Thị Hồng	Gấm	08/10/2001	Trà Vinh	190	290	480	Không đạt	
119	T11120	Nguyễn Hồng	Giang	11/09/2000	Cần Thơ	255	250	505	Đạt	
120	T11121	Trần Khánh	Hải	17/12/2000	Bạc Liêu	305	235	540	Đạt	
121	T11122	Huỳnh Nhật Thanh	Huy	29/09/2000	Cần Thơ	145	230	375	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
122	T11123	Đỗ Thị Lan	Hương	07/11/2000	Cần Thơ	300	230	530	Đạt	
123	T11124	Nguyễn Vĩ	Khang	17/08/2000	Sóc Trăng	150	225	375	Không đạt	
124	T11125	Phạm Hoàng	Khang	06/06/2000	Hậu Giang	290	190	480	Không đạt	
125	T11126	Phan Nguyễn Bảo	Khang	20/10/2001	Cần Thơ	315	255	570	Đạt	
126	T11127	Trần Minh	Khang	27/11/1999	Cần Thơ	275	250	525	Đạt	
127	T11128	Huỳnh Duy	Khánh	26/01/2001	Trà Vinh	335	385	720	Đạt	
128	T11129	Nguyễn Duy	Khoa	03/06/2001	Hậu Giang	340	300	640	Đạt	
129	T11130	Lê Phấn	Khởi	26/07/2001	Đồng Tháp	340	315	655	Đạt	
130	T11131	Trịnh Minh	Khương	08/10/2001	Bà Rịa Vũng Tàu	240	340	580	Đạt	
131	T11132	Đặng Văn	Liêm	17/08/2000	Đồng Tháp	385	385	770	Đạt	
132	T11133	Nguyễn Trọng	Nguyên	09/10/2000	Cần Thơ	385	280	665	Đạt	
133	T11134	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	29/11/2000	Vĩnh Long	180	335	515	Không đạt	
134	T11135	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/07/2000	Cần Thơ	265	310	575	Đạt	
135	T11136	Liêu Minh	Nhựt	27/12/2001	Cà Mau	245	285	530	Đạt	
136	T11137	Lê Khải	Phàm	04/12/2000	Cần Thơ	370	475	845	Đạt	
137	T11138	Trần Tấn	Phát	01/12/2000	Cần Thơ	305	475	780	Đạt	
138	T11139	Lê Thanh	Phương	26/05/2000	Sóc Trăng	295	260	555	Đạt	
139	T11140	Nguyễn Trần Thu	Phương	20/01/2001	Hậu Giang	360	260	620	Đạt	
140	T11141	Trương Phú	Quốc	31/10/1999	Đồng Tháp	360	215	575	Không đạt	
141	T11142	Phạm Hồng	Son	12/12/2000	Đồng Tháp	365	200	565	Không đạt	
142	T11143	Lê Ngọc	Tài	16/04/2000	Cần Thơ	235	305	540	Đạt	
143	T11144	Nguyễn Thanh	Toàn	16/07/2001	Cần Thơ	325	150	475	Không đạt	
144	T11145	Phạm Bảo	Toàn	29/10/1999	Hậu Giang	365	160	525	Không đạt	
145	T11146	Nguyễn Thị Thu	Thanh	14/05/2000	Cần Thơ	295	295	590	Đạt	
146	T11147	Lê Công	Thuận	10/05/2000	Tiền Giang	275	270	545	Đạt	
147	T11148	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	05/06/2000	Sóc Trăng	195	405	600	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
148	T11149	Trần Minh	Thư	19/08/2001	Đồng Tháp	400	445	845	Đạt	
149	T11150	Lâm Thị Bích	Trâm	02/04/2001	Đồng Tháp	280	320	600	Đạt	
150	T11151	Võ Văn	Vốn	05/05/2000	Bạc Liêu	235	260	495	Đạt	

Danh sách 150

Đạt 75 thí sinh

Không đạt 75 thí sinh

Cần Thơ, ngày 17 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã